

Bản án số: 1109/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Hồng Hương**

2. Bà **Lê Thị Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Hồng Thanh** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2017/TLST-HN ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 619/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 29 Nguyễn Văn Dung, phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1970

Địa chỉ: 144 Sorsa, Odessa, Ucraina

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2017 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Phạm Văn T tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau vào năm 1991, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung hạnh phúc bình thường đến năm 2004 thì ông Thịnh ra nước ngoài làm ăn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Từ khi đi đến nay ông Thịnh chưa về Việt Nam thăm gia đình. Vợ chồng mất liên lạc nhau từ năm 2004 cho đến năm 2016 mới liên lạc được. Vì thời gian xa cách quá lâu, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn có thể tiếp tục đời sống chung nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Thịnh.

Về con chung: có 01 người con đã đủ tuổi trưởng thành tên Phạm Hải Anh, sinh ngày 14/7/1991 hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Đơn thuận tình ly hôn ngày 02/6/2017 của bị đơn ông Phạm Văn T được Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ucraina chứng nhận ngày 02/6/2017 có nội dung như sau:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 02/02/1991 tại UBND xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trong cuộc sống chung tính tình đôi bên không hợp nhau, khoảng cách địa lý nơi ở của mỗi bên quá xa xôi và thời gian vợ chồng xa nhau lâu không tạo điều kiện cho cuộc hôn nhân hạnh phúc nên ông cũng có yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 01 người con tên Phạm Hải Anh, sinh ngày 14/7/1991.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Phạm Văn T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; bị đơn ông Phạm Văn T cư trú tại 144 Sorsa, Odessa, Ucraina; giữa đôi bên có tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, bị đơn ông Phạm Văn T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1991, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 ngày 02/02/1991 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Như vậy hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Theo lời khai của cả đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2004 ông Thịnh sang Ucraina làm ăn tạo kinh tế gia

đình, vợ chồng sống mỗi người mỗi nơi, tình cảm lạnh nhạt dần và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau trong thời gian dài. Bà Thủy xác định tình cảm vợ chồng không còn có thể xây dựng đời sống chung hạnh phúc và có yêu cầu ly hôn. Ý kiến ông Phạm Văn T cũng xác định không thể tiếp tục cuộc hôn nhân được nữa và đồng ý ly hôn.

Xét, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Như vậy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai bên đều xác định mức độ mâu thuẫn không thể dung hoà được, giữa vợ chồng không còn tình cảm, không muốn tiếp tục sống chung với nhau để xây dựng hôn nhân hạnh phúc. Do đó, nếu tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân nói trên thì mục đích của hôn nhân cũng không thể đạt được. Việc bà Thủy yêu cầu ly hôn là có căn cứ và phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Đôi bên thống nhất khai có 01 người con chung là Phạm Hải Anh, sinh ngày 14/7/1991. Xét, người con đã thành niên muốn chọn ở với ai tùy ý.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Thủy, ông Thịnh đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng nguyên đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 477; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 quyển số 01 ngày 02/02/1991 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: người con chung Phạm Hải Anh, sinh ngày 14/7/1991 đã đủ tuổi thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Thanh T nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cản trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Thủy đã nộp tại Biên lai thu số 0034403 ngày 16/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, bà Thủy đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Phạm Văn T; bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Hương Lê Thị Nhung

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Đồng Lạc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA